

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 8 năm 2020

DANH SÁCH ĐIỂM THI

**PHẦN I.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 51, TẠI TRƯỜNG**

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Bùi Thị Lan Anh	1	-	-	-	Vắng thi
2	La Thị Ngọc Anh	2	28	7.5	Bảy rưỡi	
3	Nguyễn Văn Bảy	3	37	7.0	Bảy	
4	Hoàng Công Biền	4	02	8.0	Tám	
5	Nguyễn Thị Thanh Bình	5	48	7.0	Bảy	
6	Phạm Quang Chiến	6	01	6.5	Sáu rưỡi	
7	Đoàn Thạch Cương	7	12	7.0	Bảy	
8	Nguyễn Việt Cường	8	47	7.5	Bảy rưỡi	
9	Nguyễn Đăng Cường	9	46	8.0	Tám	
10	Nguyễn Thị Thùy Dương	10	45	8.0	Tám	
11	Nguyễn Thị Giang	11	11	8.5	Tám rưỡi	
12	Vũ Thị Thu Hà	12	44	7.5	Bảy rưỡi	
13	Nguyễn Thị Hà	13	54	8.0	Tám	
14	Phương Thị Thu Hà	14	36	8.0	Tám	
15	Phạm Thế Hà	15	43	7.0	Bảy	
16	Bùi Phương Hiền	16	10	7.5	Bảy rưỡi	
17	Ngô Thị Hiền	17	53	8.0	Tám	
18	Phạm Thị Hiền	18	09	8.0	Tám	
19	Đoàn Thị Thu Hiền	19	08	8.0	Tám	
20	Dương Thị Thu Hiền	20	52	8.0	Tám	
21	Vũ Văn Hiệp	21	29	8.0	Tám	
22	Nguyễn Thị Hiếu	22	19	7.5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
23	Cao Thị Thanh Huệ	23	38	7.5	Bảy rưỡi	
24	Phạm Thị Bích Huệ	24	07	7.0	Bảy	
25	Ngô Thị Hương	25	30	7.0	Bảy	
26	Nguyễn Thị Thanh Hường	26	25	7.0	Bảy	
27	Dương Thị Thu Huyền	27	51	8.0	Tám	
28	Hoàng Thị Huyền	28	35	7.5	Bảy rưỡi	
29	Trần Trung Lâm	29	33	7.5	Bảy rưỡi	
30	Dương Ngọc Linh	30	18	7.5	Bảy rưỡi	
31	Phạm Thị Loan	31	-	-	-	Vắng thi
32	Nguyễn Thị Loan	32	17	7.5	Bảy rưỡi	
33	Trần Thị Loan	33	16	8.0	Tám	
34	Vũ Anh Long	34	50	7.0	Bảy	
35	Vũ Thị Hiền Lương	35	32	7.5	Bảy rưỡi	
6	Quản Vĩnh Lựu	36	27	7.0	Bảy	
37	Bùi Thị Tuyết Mai	37	49	7.5	Bảy rưỡi	
38	Hoàng Thúy Ngân	38	31	7.5	Bảy rưỡi	
39	Ma Thị Ngạn	39	60	7.5	Bảy rưỡi	
40	Phạm Thị Hồng Ngọc	40	34	7.5	Bảy rưỡi	
41	Đỗ Thị Oanh	41	40	7.0	Bảy	
42	Vũ Thị Kim Oanh	42	15	7.5	Bảy rưỡi	
43	Lê Xuân Phương	43	20	8.0	Tám	
44	Trần Minh Quyết	44	59	8.5	Tám rưỡi	
45	Đào Ngọc Sơn	45	39	7.5	Bảy rưỡi	
46	Nguyễn Đình Thao	46	58	7.5	Bảy rưỡi	
47	Vũ Thị Thu Thảo	47	14	7.5	Bảy rưỡi	
48	Đặng Phương Thảo	48	41	7.5	Bảy rưỡi	
49	Nguyễn Khánh Thiện	49	57	7.5	Bảy rưỡi	
50	Nguyễn Thị Kim Thoa	50	56	7.5	Bảy rưỡi	
51	Trần Thị Thư	51	13	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
52	Lê Thị Hải Thương	52	55	8.0	Tám	
53	Nguyễn Thị Thúy	53	03	8.0	Tám	
54	Phạm Xuân Thủy	54	65	7.5	Bảy rưỡi	
55	Nguyễn Thị Thanh Tình	55	42	7.5	Bảy rưỡi	
56	Trịnh Thị vân Trang	56	24	7.0	Bảy	
57	Nguyễn Thị Thu Trang	57	23	7.5	Bảy rưỡi	
58	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	58	26	8.0	Tám	
59	Lê Đức Tùng	59	64	8.0	Tám	
60	Phạm Thị Tuyết	60	63	7.5	Bảy rưỡi	
61	Hoàng Thị Thúy Vân	61	22	8.0	Tám	
62	Trần Thị Vân	62	06	7.5	Bảy rưỡi	
63	Dương Thị Vạn	63	62	7.5	Bảy rưỡi	
64	Phạm Minh Việt	64	61	7.5	Bảy rưỡi	
65	Nguyễn Thị Vinh	65	21	7.5	Bảy rưỡi	
66	Phạm Ngọc Vũ	66	04	7.0	Bảy	
67	Nguyễn Thị Hải Yến	67	05	7.5	Bảy rưỡi	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên